

Số: ~~337~~ /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 06 tháng 12 năm 2016

## BÁO CÁO

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC QUẢNG NGÃI  
Số: 10533  
Ngày: 07/12/16  
Chuyên: Thực hiện Kế hoạch số 2212/KH-TTCP ngày 26/8/2016 của Thanh tra Chính phủ về việc tổng kết đánh giá 04 năm thi hành Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo

CV  
ĐẾN

Thực hiện Kế hoạch số 2212/KH-TTCP ngày 26/8/2016 của Thanh tra Chính phủ về việc tổng kết đánh giá 04 năm thi hành Luật Khiếu nại và Luật Tố cáo; Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi báo cáo tổng kết 04 năm thi hành Luật Khiếu nại và Luật Tố cáo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi như sau:

### I. VIỆC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT

#### 1. Việc lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt thi hành

UBND tỉnh đã chủ trì, tổ chức hội nghị cấp tỉnh triển khai quán triệt Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo cho đội ngũ cán bộ chủ chốt của tỉnh, kết hợp phổ biến, quán triệt Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 01/3/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện các biện pháp phòng ngừa phát sinh và giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn. Đồng thời, UBND đã ban hành hàng trăm văn bản lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức triển khai thực hiện Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo và các văn bản hướng dẫn thi hành, các chủ trương, chính sách của Trung ương đối với công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, trong đó:

- Kịp thời triển khai quán triệt và tổ chức thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 18/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh và nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phối hợp với Thanh tra Chính phủ tổ chức rà soát, xử lý dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, tồn đọng, kéo dài theo Kế hoạch 1130/KH-TTCP ngày 10/5/2012 của Thanh tra Chính phủ.

- Triển khai quán triệt và ban hành Kế hoạch số 847/KH-UBND ngày 17/3/2014 về việc tổ chức thực hiện Kế hoạch 2100/KH-TTCP ngày 19/9/2013 của Thanh tra Chính phủ về tiếp tục kiểm tra, rà soát, giải quyết các vụ khiếu nại, tố cáo tồn đọng, phức tạp, kéo dài.

- Tham mưu trình Ban Cán sự đảng UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 270-KH/BCS ngày 16/10/2014 của Ban Cán sự đảng UBND tỉnh về thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo; chỉ đạo, đôn đốc Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị ban hành kế hoạch thực hiện ở các mình, ngành mình.

## **2. Việc ban hành các văn bản quy định giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc phạm vi quản lý**

UBND tỉnh đã ban hành 06 văn bản quy phạm pháp luật<sup>1</sup> và trình HĐND tỉnh ban hành 01 Nghị quyết<sup>2</sup> góp phần hoàn thiện thể chế công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn.

Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố cũng đều đã ban hành đầy đủ quy định về tiếp công dân, xử lý đơn và giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của mình để tổ chức thực hiện đồng bộ.

## **3. Hoạt động tuyên truyền, phổ biến Luật cho nhân dân; quán triệt cho cán bộ, công chức, viên chức**

Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật khiếu nại, tố cáo đã được UBND tỉnh quan tâm, chỉ đạo thực hiện thường xuyên bằng nhiều biện pháp thiết thực, hiệu quả: tổ chức hội nghị quán triệt; tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ; tổ chức các hội nghị chuyên đề về khiếu nại, tố cáo; chỉ đạo thành lập các tổ công tác về tuyên truyền trực tiếp cho người dân tại cơ sở; tuyên truyền, hướng dẫn cho chính quyền địa phương kết hợp với kiểm tra chấn chỉnh công tác tiếp công dân, xử lý đơn và giải quyết khiếu nại, tố cáo; tuyên truyền trên sóng phát thanh, truyền hình; ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Tiếp tục tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về khiếu nại, tố cáo ở xã, phường, thị trấn giai đoạn 2013-2016”...

Cụ thể trong 04 năm qua, Thanh tra tỉnh đã tổ chức 16 lớp tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn và tham mưu giải quyết khiếu nại, tố cáo cho hơn 1.490 cán bộ, công chức ở 14/14 huyện, thành phố; thành lập 03 tổ công tác để tuyên truyền trực tiếp pháp luật khiếu nại, tố cáo cho hơn 1.000 lượt người dân tại 16 xã, phường, thị trấn theo Đề án 1-1133 “*Tiếp tục tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về khiếu nại, tố cáo ở xã, phường, thị trấn giai đoạn 2013-2016*”; cơ quan hành chính các ngành, các cấp đã tổ chức 115 lớp bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, người có trách nhiệm với tổng số 6.414 lượt người tham dự; thực hiện 1.086 lượt tuyên truyền, phổ biến trực tiếp cho

---

<sup>1</sup> Quyết định số 41/2012/QĐ-UBND ngày 14/11/2012 quy định mức chi bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 23/7/2014 ban hành Quy định về tiếp công dân, xử lý đơn gửi đến UBND tỉnh; Quyết định số 38/2014/QĐ-UBND ngày 23/7/2014 ban hành Quy định về thụ lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh; Quyết định số 61/2014/QĐ-UBND ngày 15/12/2014 ban hành Quy chế đối thoại trong giải quyết khiếu nại; Quyết định 65/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 ban hành Quy chế phối hợp phòng ngừa và xử lý trường hợp đông người, có tính chất phức tạp, gay gắt; Quyết định số 52/2015/QĐ-UBND ngày 13/11/2015 quy định về tiếp công dân của cơ quan trực thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và tiếp công dân của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 13/01/2016 của UBND tỉnh Quy định về trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của UBND tỉnh Quy định về cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hoà giải thành trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

<sup>2</sup> Nghị quyết số 24/2012/NQ-HĐND ngày 05/10/2012 của HĐND tỉnh quy định mức chi bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

người dân với 86.260 lượt người tham dự. Qua đó đã góp phần nhanh chóng đưa pháp luật khiếu nại, tố cáo đi vào cuộc sống, góp phần tích cực trong giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, phục vụ phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh nhà.

## **II. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO**

### **1. Tình hình khiếu nại, tố cáo**

Từ năm 2012 đến nay, tình hình phát sinh khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh có chiều hướng gia tăng so với giai đoạn 2007 – 2011, trong đó số lượng đơn thư các loại tăng 35,8%, số đoàn đông người tăng 13%. Cụ thể, các cơ quan hành chính đã tiếp 25.462 lượt công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, trong đó có 182 đoàn đông người. Tiếp nhận và xử lý 37.899 đơn thư các loại, trong đó có 15.710 đơn khiếu nại, 1.160 đơn tố cáo với 3.249 vụ việc thuộc thẩm quyền các cấp, các ngành đã được thụ lý để xem xét giải quyết (2.992 vụ khiếu nại và 257 vụ tố cáo).

Về nội dung khiếu nại, tiếp tục tập trung ở lĩnh vực đất đai (với 11.768 đơn, chiếm 75% số đơn khiếu nại phát sinh, trong đó chủ yếu là khiếu nại về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất), lĩnh vực giải quyết chế độ, chính sách cho người có công. Đối với tố cáo, nội dung chủ yếu là tố cáo trong lĩnh vực hành chính (tố cáo hành vi vi phạm hành chính và tố cáo cán bộ, công chức, viên chức vi phạm pháp luật trong thực thi nhiệm vụ công vụ) với 731 đơn, chiếm 63%. Tình trạng đơn thư, vụ việc từ khiếu nại không thành chuyển sang tố cáo cán bộ giải quyết, hoặc đã được giải quyết hết thẩm quyền hành chính, đúng pháp luật nhưng vẫn phát sinh khiếu nại đến các cơ quan hành chính, dù đã được rà soát, trả lời, giải thích và hướng dẫn thực hiện quyền khởi kiện nhưng công dân vẫn không chấp hành vẫn tiếp tục xảy ra và có chiều hướng gia tăng.

Các đoàn đông người có chiều hướng gia tăng, chủ yếu liên quan đến các vấn đề: bồi thường, giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất; cải tạo, di dời chợ; khiếu kiện, tranh chấp đất lâm nghiệp và ô nhiễm môi trường, giải quyết chế độ cho người lao động, trong đó có những vụ phát sinh từ năm trước nhưng chưa giải quyết dứt điểm. Các vụ việc đông người hầu hết đều mang tính chất kiến nghị, phản ánh hoặc tranh chấp, một số vụ có nội dung khiếu nại nhưng đều không thuộc trường hợp nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung (do từng người đều có yêu cầu khác nhau về quyền, lợi ích), họ tụ tập thành đoàn đông người chủ yếu để gây sức ép lên chính quyền phải giải quyết quyền lợi cho họ. Một số đoàn đông người đã có sự tổ chức, tính chất bức xúc có gia tăng, một số đoàn đã có biểu hiện tiếp xúc, liên kết với nhau. Từ năm 2012 đến nay có 01 đoàn đông người của tỉnh phát sinh lên Trung ương.

### **2. Nguyên nhân phát sinh khiếu nại, tố cáo**

- Tỉnh Quảng Ngãi tiếp tục đẩy mạnh việc thu hồi đất, giải phóng mặt bằng để đáp ứng tiến độ các dự án lớn; trong khi điều kiện chính sách pháp luật về đất đai phức tạp, khó nhận thức; cùng với hậu quả của việc buông lỏng quản lý đất đai kéo dài do lịch sử để lại làm cho hồ sơ quản lý đất đai không đầy đủ, rõ ràng, thiếu tính pháp lý, khi thu hồi đất phát sinh nhiều khiếu nại.

- Trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương đã có chuyển biến tích cực trong thời gian qua, nhưng ở một số cơ quan, đơn vị vẫn còn hạn chế, chưa có sự vào cuộc quyết liệt của hệ thống chính trị dù đã được Tỉnh ủy, UBND tỉnh trực tiếp gặp gỡ, đối thoại, kết luận và chỉ đạo, đôn đốc thường xuyên. Việc chậm trễ trong thực hiện nhiệm vụ công vụ, hoặc từ chối thực hiện nhiệm vụ công vụ trong việc giải quyết các hồ sơ, thủ tục liên quan đến công dân còn diễn ra nhiều, gây bức xúc cho người dân, làm phát sinh khiếu nại, tố cáo.

- Công tác quy hoạch đất đai, xây dựng, quản lý đất đai, giao đất, giao rừng, quản lý khoáng sản, môi trường, đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư còn nhiều bất cập, hạn chế, yếu kém nhưng chậm được khắc phục, chấn chỉnh đã ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống của nhiều người dân, tiếp tục là nguyên nhân làm phát sinh nhiều khiếu nại, tố cáo và các vụ việc đông người trong các lĩnh vực này.

- Công tác thực thi pháp luật, nhất là trong lĩnh vực bồi thường, giải phóng mặt bằng tại các địa phương không đảm bảo trình tự, thủ tục quy định, chưa thật sự công khai, minh bạch; tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường cho các dự án có thu hồi đất phần lớn còn có nhiều sai sót trong quá trình thực hiện kiểm kê, áp giá; UBND cấp xã còn chưa sát đúng trong xác nhận đất đai, tài sản trên đất của người dân... gây bức xúc, phát sinh nhiều khiếu nại, tố cáo.

- Chất lượng thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức còn chưa đáp ứng được yêu cầu xây dựng Nhà nước kiến tạo và phát triển; tính công khai, minh bạch trong quá trình giải quyết các công việc của Nhà nước đối với dân chưa đảm bảo; trách nhiệm giải trình chưa được thúc đẩy đúng mức, chưa trở thành cơ chế hữu hiệu để nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân; hiệu quả của công tác phòng, chống tham nhũng còn bất cập; cá biệt một số cơ quan, đơn vị còn có tình trạng nội bộ mâu thuẫn, mất đoàn kết, quản lý điều hành của Thủ trưởng thiếu công khai, minh bạch... cũng là nguyên nhân dẫn đến phát sinh nhiều khiếu nại, tố cáo.

- Nhận thức pháp luật của người dân vẫn còn hạn chế, nhiều người có tâm lý đi kiện được thì tốt, không được thì cũng không sao. Thêm vào đó chính sách, pháp luật về bồi thường khi thu hồi đất không ổn định, càng về sau càng có lợi hơn cho người bị thu hồi đất, cũng góp phần tạo tâm lý khiếu nại nhằm kéo dài việc thu hồi đất để hưởng lợi khi chính sách thay đổi.

- Công tác gặp gỡ, đối thoại của Thủ trưởng một số cơ quan hành chính chưa tốt, việc giải thích chính sách pháp luật chưa thấu đáo, đầy đủ khiến công dân bức xúc cũng dẫn đến khiếu nại, tố cáo.

- Sự phối hợp giữa các cơ quan trong giải quyết vụ việc đông người

vẫn còn hạn chế, công tác dân vận đối với các vụ việc tiềm ẩn phát sinh đông người còn nhiều thụ động, chưa hiệu quả.

### **3. Kết quả giải quyết**

- Giải quyết đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền: Thủ trưởng cơ quan hành chính các cấp đã xem xét giải quyết đối với 2.953 vụ việc trong tổng số 2.992 vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền đã thụ lý, đạt tỷ lệ 98,7%.

- Giải quyết đơn tố cáo thuộc thẩm quyền: Thủ trưởng cơ quan hành chính các cấp cũng đã xem xét giải quyết đối với 251 vụ việc trong tổng số 257 vụ việc tố cáo thuộc thẩm quyền, đạt tỷ lệ 97,6%.

- Qua giải quyết khiếu nại, tố cáo cho thấy có 618 vụ việc khiếu nại, tố cáo có nội dung đúng hoặc đúng một phần (chiếm 19,3% số vụ đã giải quyết), kết quả giải quyết đã khôi phục, bảo vệ quyền lợi cho 334 người với số tiền 6.227,57 triệu đồng và 617.892m<sup>2</sup> đất các loại; kiến nghị thu hồi cho nhà nước 848,9 triệu đồng và 71.545,6m<sup>2</sup> đất các loại; kiến nghị xử lý 22 cán bộ, công chức có sai phạm; chuyển cơ quan điều tra xem xét 01 vụ đối với 01 đối tượng.

### **4. Ưu điểm, hạn chế, bất cập và nguyên nhân**

#### **a) Ưu điểm:**

- UBND tỉnh đã triển khai quán triệt nghiêm túc, kịp thời Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo và các văn bản hướng dẫn thi hành; ban hành đầy đủ các văn bản quy định về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo góp phần hoàn thiện thể chế công tác này trên địa bàn; triển khai kịp thời, đầy đủ, có chất lượng các chủ trương, chính sách của Đảng, Chính phủ, Thanh tra Chính phủ về giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- UBND tỉnh đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc thường xuyên công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo nói chung và những vấn đề cử tri, người dân quan tâm, có bức xúc trên địa bàn tỉnh; tổ chức nhiều buổi đối thoại, gặp gỡ trực tiếp người dân, chỉ đạo thực hiện cơ chế biệt phái công chức hỗ trợ các địa phương trong giải quyết khiếu nại, qua đó xử lý kịp thời nhiều vụ việc. Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố đã quan tâm quán triệt, triển khai Luật và ban hành thể chế áp dụng trên địa bàn, ngành mình quản lý; đã lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc phạm vi thẩm quyền, trách nhiệm của mình. Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thời gian qua đã góp phần bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp của người dân, bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được củng cố, tăng cường, tạo tiền đề cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tỷ lệ giải quyết khiếu nại, tố cáo ngày càng được nâng lên, từ năm 2013 đến nay đều đạt trên 85%; chất lượng giải quyết khiếu nại, tố cáo ngày

càng tốt hơn; công tác đôn đốc tổ chức thực hiện các quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận và quyết định xử lý tố cáo có hiệu lực đã được quan tâm thực hiện thường xuyên, đạt nhiều kết quả tích cực.

b) Hạn chế, bất cập:

Nhìn lại kết quả thực hiện trong 04 năm qua, UBND tỉnh nhận thấy công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn còn có những hạn chế như sau:

- Việc ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo công tác khiếu nại, tố cáo đã được thực hiện tương đối toàn diện và kịp thời. Tuy nhiên, việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cấp, các ngành trong tổ chức thực hiện các chỉ đạo của UBND tỉnh chưa được thường xuyên, sâu sát nên có một số nội dung chỉ đạo tuy đúng đắn nhưng chậm đi vào thực tiễn.

- Một số địa phương vẫn chưa làm tốt công tác quản lý nhà nước về khiếu nại, tố cáo; vẫn còn một số cơ quan, đơn vị người đứng đầu không thực hiện đầy đủ, nghiêm túc lịch tiếp công dân định kỳ đã công bố; chất lượng công tác tiếp công dân, xử lý đơn ở nhiều địa phương vẫn còn thấp, chưa thực hiện tốt việc gắn công tác tiếp công dân với giải quyết khiếu nại, tố cáo; công tác theo dõi sau tiếp công dân, xử lý đơn ở một số địa phương vẫn còn hạn chế, chưa kịp thời; nhiều xã chưa thực hiện chế độ bồi dưỡng cho cán bộ làm công tác tiếp công dân và xử lý đơn theo quy định.

- Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo vẫn còn chậm, tình trạng giải quyết trễ hạn luật định diễn ra ở cả 03 cấp; việc giải quyết của một số địa phương chưa bảo đảm đúng trình tự, thủ tục, chính sách pháp luật và chưa phù hợp với thực tiễn (*không đối thoại, không có văn bản thụ lý, thụ lý giải quyết không đúng quan hệ pháp luật, áp dụng pháp luật trong giải quyết nội dung chưa đảm bảo đúng quy định,...*) dẫn đến việc Chủ tịch UBND tỉnh cải sửa kết quả giải quyết của Chủ tịch UBND huyện hoặc đình chỉ thụ lý yêu cầu xem xét giải quyết lại; hồ sơ giải quyết khiếu nại, tố cáo nhiều vụ việc ở cấp huyện, cấp xã được thiết lập, thu thập còn chưa đảm bảo đúng quy định; Thủ trưởng một số cơ quan, đơn vị còn chưa trực tiếp gặp gỡ, đối thoại với người khiếu nại mà ủy quyền cho cấp phó, cấp dưới, thậm chí có trường hợp không đối thoại, nhất là ở cấp huyện và xã. Cá biệt còn có trường hợp phong cách của cán bộ giải quyết còn quan liêu, thái độ chưa thật sự cầu thị, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của người khiếu nại để xem xét thấu đáo.

- Công tác tuyên truyền pháp luật khiếu nại, tố cáo nói riêng và pháp luật nói chung cho người dân, nhất là pháp luật trong các lĩnh vực quan trọng, liên quan thiết thực đến đời sống phần lớn người dân kết quả còn hạn chế, thiếu những cách thức, biện pháp thiết thực, phù hợp với từng nhóm đối tượng khác nhau nên hiệu quả không cao; cá biệt có một số địa phương chưa quan tâm đúng mức đến công tác tuyên truyền. Nhận thức về pháp luật khiếu nại, tố cáo của một bộ phận đáng kể cán bộ, công chức còn nhiều hạn chế, ý thức tuân thủ pháp luật trong khiếu nại, tố cáo chưa tốt.

- Công tác thanh tra trách nhiệm trong giải quyết khiếu nại, tố cáo đã được quan tâm thực hiện thường xuyên, nhưng chỉ dừng lại ở mức hướng dẫn, chấn chỉnh và đôn đốc, nhắc nhở trách nhiệm, chưa có người đứng đầu nào bị xử lý kỷ luật do vi phạm, do đó hiệu quả chưa cao, chưa trở thành công cụ sắc bén để giúp tăng cường trách nhiệm công vụ.

- Các biện pháp phòng ngừa phát sinh khiếu nại, tố cáo đã được UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc các sở, ngành và địa phương thực hiện. Tuy nhiên nhiều địa phương chỉ dừng ở mức triển khai bước đầu, một số địa phương còn lúng túng trong việc cụ thể hóa các biện pháp phòng ngừa phù hợp ở cấp mình, hiệu quả trên thực tế còn thấp, các lĩnh vực có nguy cơ phát sinh nhiều khiếu nại, tố cáo vẫn còn nhiều bất cập trong quản lý chậm được khắc phục, chấn chỉnh.

- Việc chấp hành chế độ thông tin báo cáo của các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố gần đây đã có chuyển biến tích cực. Tuy nhiên chất lượng báo cáo vẫn chưa đạt yêu cầu theo quy định; số liệu thống kê của cấp xã không đáng tin cậy; ứng dụng được công nghệ thông tin vào công tác thống kê, báo cáo còn hạn chế.

### c) Nguyên nhân:

Những tồn tại, hạn chế, yếu kém nêu trên do nhiều nguyên nhân, tuy nhiên tập trung ở những nguyên nhân chính như sau:

- Cơ chế, chính sách pháp luật từng bước đã được hoàn thiện nhưng vẫn còn nhiều bất cập, nhất là pháp luật về đất đai, vừa khó nhận thức vừa thường xuyên thay đổi nên nhiều vụ việc rất khó khăn để tìm phương án giải quyết vừa đúng pháp luật vừa đáp ứng yêu cầu của người dân, nhiều vụ việc thẩm tra, xác minh kéo dài, phức tạp, khó giải quyết do không đủ thông tin, tài liệu làm chứng cứ.

- Tình trạng suy thoái về đạo đức, lối sống và tác động của cơ chế thị trường đã làm cho các tranh chấp, khiếu kiện liên quan đến đất đai trong gia đình, tộc họ phát sinh ngày càng nhiều và thêm gay gắt, các cơ quan hành chính nhà nước khó có thể giải quyết dứt điểm vụ việc. Nhiều trường hợp từ tranh chấp có tính chất dân sự đã dẫn đến phát sinh khiếu nại hành chính, tố cáo cán bộ tham gia giải quyết vụ việc.

- Cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng chưa đạt yêu cầu đề ra, kỷ cương, kỷ luật hành chính tăng cường chưa đúng mức; nhận thức về pháp luật và trách nhiệm trong giải quyết khiếu nại, tố cáo của một bộ phận cán bộ còn yếu; vẫn còn một số ngành, địa phương, người đứng đầu né tránh trách nhiệm phân công cho cấp phó phụ trách, do đó làm ảnh hưởng đến hiệu quả, chất lượng của công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Nhân lực làm công tác giải quyết khiếu nại ở các cấp, các ngành dù đã được cấp ủy và Thủ trưởng các cấp, các ngành thể hiện sự quan tâm nhưng thiếu những biện pháp thực tiễn, hiệu quả nên vẫn chưa có nhiều chuyển biến.

### III. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA LUẬT

#### 1. Luật Khiếu nại

Luật Khiếu nại 2011 đã có nhiều nội dung mới nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người khiếu nại, phát huy quyền làm chủ của người dân, tăng cường tính công khai, minh bạch trong quá trình giải quyết khiếu nại, tạo sự chủ động cho người giải quyết khiếu nại có thể nhanh chóng xem xét, khắc phục các quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại nếu có sai sót... Tuy nhiên qua 4 năm thi hành, Luật Khiếu nại cũng đã bộc lộ một số bất cập, vướng mắc sau:

a) Các quy định về khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính:

- Về khiếu nại:

+ Về quyết định hành chính, hành vi hành chính là đối tượng bị khiếu nại tại các cơ quan hành chính và đối tượng bị khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án hiện nay vẫn còn có xung đột giữa Luật Khiếu nại với Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Theo Luật Khiếu nại thì quyết định giải quyết khiếu nại không phải là đối tượng bị khiếu nại bởi không trực tiếp làm phát sinh, thay đổi quyền, lợi ích của người khiếu nại, và do đó lẽ ra cũng không phải là đối tượng bị khởi kiện. Thế nhưng thực tiễn thi hành Luật Tố tụng hành chính và theo giải thích, áp dụng luật của Tòa án như hiện nay thì quyết định giải quyết khiếu nại lại là đối tượng khởi kiện tại Tòa án.

+ Về thời hiệu khiếu nại, Điều 9 Luật Khiếu nại quy định thời hiệu khiếu nại là 90 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hành chính, hành vi hành chính. Trong khi đó, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính quy định thời hiệu khởi kiện đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính là 01 năm. Như vậy đã tạo ra sự xung đột, gây khó khăn trong việc thi hành các quyết định hành chính và quyết định giải quyết khiếu nại của các cơ quan hành chính nhà nước.

Ngoài ra, vấn đề thời điểm có hiệu lực của quyết định giải quyết khiếu nại lần 2, nội dung hướng dẫn thực hiện quyền khởi kiện theo như mẫu quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ về quy trình giải quyết khiếu nại hiện nay không còn phù hợp trong điều kiện thực hiện Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

+ Về quyền của người khiếu nại, của luật sư, trợ giúp viên pháp lý: Tại điểm d khoản 1 Điều 12 Luật Khiếu nại quy định: “Được biết, đọc, sao chụp, sao chép, tài liệu, chứng cứ do người giải quyết khiếu nại thu thập để giải quyết khiếu nại, trừ thông tin, tài liệu thuộc bí mật nhà nước”. Điểm d Khoản 1 Điều 16 của Luật cũng quy định Luật sư, trợ giúp viên pháp lý có quyền: “Nghiên cứu hồ sơ vụ việc, sao chụp, sao chép các tài liệu, chứng cứ có liên



quan đến nội dung khiếu nại để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khiếu nại, trừ thông tin, tài liệu thuộc bí mật nhà nước...” Người giải quyết khiếu nại có trách nhiệm thông báo bằng văn bản với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức có liên quan biết thời gian, địa điểm, nội dung việc đối thoại. Trên thực tế có những vụ việc khiếu nại mà tài liệu, chứng cứ thu thập được từ nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương lên đến hàng ngàn trang thì việc cung cấp cho người khiếu nại, luật sư hoặc trợ giúp viên pháp lý khi họ yêu cầu cần có thời gian và kinh phí nhưng chưa có quy định hướng dẫn. Hơn nữa cũng chưa có hướng dẫn cách thức để thực hiện quyền sao chụp tài liệu như thế nào, chẳng hạn như một người được thực hiện quyền sao chụp bao nhiêu lần, có phải trả phí sao chụp hay không...

+ Về ủy quyền khiếu nại: Tại khoản 1 Điều 12 Luật Khiếu nại quy định: “Trường hợp người khiếu nại ốm đau, già yếu, có nhược điểm về thể chất hoặc vì lý do khách quan khác mà không thể tự mình khiếu nại thì được ủy quyền cho cha, mẹ, vợ, chồng, anh, chị, em ruột, con đã thành niên hoặc người khác có năng lực hành vi dân sự đầy đủ để thực hiện việc khiếu nại”. Quy định như vậy một mặt tạo điều kiện thuận lợi cho người khiếu nại thực hiện quyền khiếu nại của mình trong trường hợp không đảm bảo điều kiện về sức khỏe, năng lực hành vi dân sự, nhưng nội dung quy định ủy quyền cho người khác dễ bị các đối tượng lợi dụng để trục lợi. Thực tế đã có những người lợi dụng quyền này để chuyên đi khiếu nại thay cho người khác nhằm trục lợi trái phép, làm rối tình hình, trong khi họ không phải là luật sư, không phải trợ giúp viên pháp lý, không có chứng chỉ hành nghề theo quy định, cũng không phải là người có quan hệ nhân thân liên quan với người khiếu nại.

- Giải quyết khiếu nại:

+ Luật quy định đối với trường hợp khiếu nại lần đầu nhưng quá thời hạn giải quyết mà người có thẩm quyền không giải quyết thì có quyền khiếu nại lần hai đến Thủ trưởng cấp trên trực tiếp của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu và Thủ trưởng cấp trên trực tiếp phải thụ lý giải quyết. Tuy nhiên, thực tiễn chưa có vụ việc nào được thụ lý giải quyết theo quy định này mà Thủ trưởng cấp trên chỉ đôn đốc cấp dưới phải giải quyết. Hơn nữa cũng cần có hướng dẫn rõ là việc giải quyết của Thủ trưởng cấp trên trực tiếp trong tình huống đó là giải quyết lần 2 để thực hiện đúng thủ tục.

+ Về việc rút khiếu nại: Luật quy định rút khiếu nại phải bằng đơn, đơn xin rút khiếu nại phải gửi đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại là chưa tạo sự linh hoạt, thuận lợi trong quá trình giải quyết. Có thể trong quá trình xác minh, người khiếu nại xác lập ý chí rút khiếu nại trong biên bản làm việc với người xác minh, hoặc thậm chí khẳng định và ký tên trong biên bản đối thoại thì đây cũng là căn cứ để đình chỉ, không nhất thiết phải hướng dẫn họ viết đơn nữa.

+ Việc xem xét lại việc giải quyết khiếu nại có vi phạm pháp luật theo Điều 20 Nghị định 75 chỉ quy định thẩm quyền xem xét, xử lý của Tổng thanh tra Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ (kiến nghị người có thẩm quyền giải quyết lại vụ việc khiếu nại hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ), của Thủ tướng Chính phủ (yêu cầu người có thẩm quyền giải quyết lại vụ việc khiếu nại hoặc giao Tổng thanh tra Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ kiểm tra, xem xét lại vụ việc, báo cáo Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo giải quyết). Quy định như trên là chưa sát thực tiễn công tác này ở địa phương, bởi nhiều vụ việc cơ quan Thanh tra tỉnh, Thanh tra huyện phát hiện có vi phạm pháp luật thì vẫn kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch UBND huyện yêu cầu người có thẩm quyền giải quyết lại, xem xét lại cho đảm bảo.

b) Các quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc quản lý công tác giải quyết khiếu nại:

Luật chưa có quy định rõ hình thức chế tài về kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức tương ứng với các mức độ vi phạm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong thực hiện quy định pháp luật về khiếu nại, gây khó khăn, lúng túng trong đề xuất áp dụng các biện pháp xử lý về trách nhiệm người có vi phạm phát hiện qua thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Vấn đề này trong quy định xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm tại Điều 14 Quy định số 181-QĐ/TW ngày 30/3/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng cụ thể hơn, có thể nghiên cứu để quy định chi tiết thực hiện trong các cơ quan hành chính để có cơ sở xử lý đồng bộ về mặt Đảng và chính quyền.

c) Các quy định về xử lý vi phạm: Về vấn đề xử lý hành vi vi phạm pháp luật khiếu nại theo quy định tại Điều 68 Luật Khiếu nại vẫn còn chưa được quy định, hướng dẫn cụ thể để áp dụng. Vì vậy, thực tế còn lúng túng, khó khăn khi xử lý.

d) Các quy định khác: Luật Khiếu nại chỉ quy định duy nhất trường hợp đình chỉ việc giải quyết khiếu nại khi nguyên đơn rút đơn khiếu nại. Tuy nhiên, thực tế còn phát sinh các trường hợp khác cần tạm đình chỉ hoặc đình chỉ giải quyết khiếu nại như: người khiếu nại bị chết mà quyền và nghĩa vụ của họ chưa được hoặc không được thừa kế; cơ quan, tổ chức cá nhân đã giải thể mà chưa có hoặc không có cơ quan, tổ chức, cá nhân kế thừa quyền và nghĩa vụ tham gia vụ việc khiếu nại; người khiếu nại đã được triệu tập đến lần thứ ba mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, cố tình không hợp tác; người khiếu nại có hành vi cản trở, trốn tránh cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại xác minh; người khiếu nại mất năng lực hành vi dân sự mà chưa xác định được người đại diện theo pháp luật; đã hết thời hiệu giải quyết khiếu nại mà người khiếu nại không thể có mặt theo yêu cầu vì lý do chính đáng...

## 2. Luật Tố cáo

Luật Tố cáo 2011 đã có nhiều nội dung mới nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người tố cáo thực hiện quyền tố cáo, bảo vệ bí mật của người tố cáo, tăng cường tính công khai, minh bạch trong quá trình tiếp nhận và giải quyết, mở rộng phạm vi điều chỉnh để bao quát hết việc tố cáo và giải quyết tố cáo đối với các hành vi vi phạm pháp luật diễn ra trên thực tế, có cơ chế bảo vệ người tố cáo. Tuy nhiên qua thời gian 4 năm thi hành, Luật Tố cáo cũng tồn tại một số bất cập, vướng mắc, cụ thể là:

a) Các quy định về quyền, nghĩa vụ của người tố cáo, người bị tố cáo và người giải quyết tố cáo:

- Về chủ thể thực hiện quyền tố cáo: không có quy định pháp nhân được quyền tố cáo (trừ tố giác và tin báo tội phạm).

- Về hình thức tố cáo: Luật quy định “*Việc tố cáo được thực hiện bằng đơn tố cáo hoặc tố cáo trực tiếp*”, liên quan đến tố cáo hành vi tham nhũng thì được mở rộng thêm các hình thức khác. Việc quy định như vậy là chưa tạo thuận lợi cho người dân trong thực hiện việc tố cáo, nhất là trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin ngày càng phổ biến trong xã hội. Do đó việc mở rộng hình thức tố cáo là cần thiết để tạo thêm nhiều kênh thông tin khác nhau nhằm tiếp nhận tố cáo, phản ánh vi phạm pháp luật. Việc mở rộng hình thức cũng chỉ để có thêm thông tin và là khâu đầu tiên, muốn thụ lý, xác minh thì cần kiểm tra, xác thực thông tin người tố cáo, nếu có đủ điều kiện mới giải quyết.

- Về quyền tố cáo của công dân: Luật đã ghi nhận và bảo vệ quyền tố cáo. Tuy nhiên nếu công dân tố cáo, nhưng người có thẩm quyền giải quyết tố cáo không thụ lý và ban hành thông báo từ chối thụ lý tố cáo thì người tố cáo có quyền khiếu nại thông báo này không, hay là có quyền tố cáo đến Thủ trưởng cấp trên trực tiếp của người đó, hiện nay luật chưa có quy định rõ.

b) Các quy định về giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ:

- Về thẩm quyền giải quyết tố cáo: Khoản 1 Điều 12 Luật Tố cáo quy định: “Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức do người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức, viên chức đó giải quyết”. Tuy nhiên, việc áp dụng xác định thẩm quyền giải quyết tố cáo theo quy định còn chưa rõ ràng, cụ thể trong trường hợp người bị tố cáo đã chuyển công tác sang cơ quan khác nhưng tố cáo hành vi vi phạm tại cơ quan cũ; cơ quan, tổ chức, đơn vị có người bị tố cáo công tác đã bị giải thể, sáp nhập sang đơn vị mới, hoặc cán bộ, công chức bị tố cáo đã về hưu nhưng bị tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật lúc đương nhiệm.

- Về thời hạn giải quyết tố cáo: Điều 21 Luật Tố cáo quy định thời hạn giải quyết tố cáo là 60 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết là 90 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo. Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có thể gia hạn giải quyết một lần nhưng không quá 30 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì không quá 60 ngày. Như vậy, theo quy định này thì thời hạn giải quyết tố cáo ít nhất là 60 ngày và nhiều nhất là 150 ngày kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo. Tuy nhiên thực tế cho thấy nhiều vụ việc tố cáo có nội dung phức tạp, để có đủ cơ sở kết luận phải xác minh tại nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương đó, việc giải quyết tố cáo trễ hạn, người tố cáo lại chuyển sang tố cáo người giải quyết vi phạm thời hạn giải quyết, gây khó khăn phức tạp.

- Về vấn đề xử lý đơn tố cáo tiếp: Quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 27 Luật Tố cáo: “Trường hợp việc giải quyết tố cáo của người đứng đầu cấp dưới trực tiếp là đúng pháp luật thì không giải quyết lại, đồng thời thông báo cho người tố cáo về việc không giải quyết lại và yêu cầu họ chấm dứt việc tố cáo; Trường hợp việc giải quyết tố cáo của người đứng đầu cơ quan cấp dưới trực tiếp là không đúng pháp luật thì tiến hành giải quyết lại...”. Trên thực tế để xác định như thế nào là không đúng pháp luật phải trải qua quá trình xem xét, xác minh, kiểm tra và đánh giá, dẫn đến việc quy định thời hạn 10 ngày để xử lý đơn tố cáo tiếp là không đảm bảo thời gian (thời gian nhận hồ sơ từ người giải quyết lần đầu, nghiên cứu hồ sơ, đối chiếu quy định pháp luật để xem xét các dấu hiệu vi phạm...) để đánh giá đầy đủ và chính xác.

c) Các quy định về giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực:

Tại khoản 1 Điều 31 Luật Tố cáo quy định: “Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân mà nội dung liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của cơ quan nào thì cơ quan đó có trách nhiệm giải quyết. Người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trong cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý được giao, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”. Quy định như trên là chưa đủ rõ ràng, cụ thể để thực hiện bởi trong nhiều tình huống một hành vi vi phạm hành chính có thể có nhiều người có thẩm quyền xử lý, nhất là đối với các người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền chung như Chủ tịch UBND các cấp. Điều này dễ dẫn đến đùn đẩy trách nhiệm trong giải quyết tố cáo, làm cho hành vi vi phạm không bị kịp thời xử lý, trong khi Luật chưa rõ cơ chế phối hợp, xử lý như thế nào.

d) Các quy định về bảo vệ người tố cáo:

- Về bảo vệ bí mật thông tin người tố cáo: Theo quy định của Luật Tố cáo năm 2011 và Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tố cáo thì việc bảo vệ bí

mật thông tin cho người tố cáo là việc đương nhiên phải làm của các cơ quan tiếp nhận, xử lý, giải quyết tố cáo. Tuy nhiên, quy trình thực hiện việc tiếp nhận, xử lý đơn và thụ lý, xác minh, kết luận, xử lý tố cáo trên thực tế có liên quan đến nhiều tổ chức, cá nhân nên việc giữ bí mật thông tin của người tố cáo thường khó được đảm bảo, dẫn đến lộ lọt thông tin người tố cáo; người làm lộ, lọt lại bị tố cáo về hành vi làm lộ thông tin, dễ phát sinh phức tạp. Đây là vấn đề bất cập trong thực thi pháp luật, không phải là bất cập của pháp luật.

- Đối với pháp luật về bảo vệ bí mật thông tin người tố cáo, hiện nay chưa có quy định về việc thực hiện bảo vệ như thế nào trong trường hợp người tố cáo tự công khai thông tin của mình mà không muốn được bảo vệ bí mật, có nhu cầu được đối chất với người bị tố cáo, nhất là trong các trường hợp tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực.

- Về phối hợp giữa người giải quyết tố cáo và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong bảo vệ người tố cáo: tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 76/2012/NĐ-CP quy định: *“Trong quá trình giải quyết tố cáo nếu có căn cứ cho thấy có nguy cơ gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của người tố cáo, người thân thích của người tố cáo thì người giải quyết tố cáo có trách nhiệm chỉ đạo, hoặc phối hợp với cơ quan công an nơi người được bảo vệ cư trú, làm việc, học tập hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ và thông báo cho người được bảo vệ biết”*. Quy định này chưa đủ rõ trong việc xác định *“cơ quan công an nơi người được bảo vệ cư trú, làm việc, học tập”* là cơ quan cấp nào, xã, huyện hay tỉnh. Nếu chưa xác định rõ vấn đề này cũng sẽ là một lúng túng cho người giải quyết tố cáo khi yêu cầu áp dụng biện pháp bảo vệ.

- Về căn cứ để yêu cầu bảo vệ: Mục 2, Mục 3 Chương 3 Nghị định số 76/2013/NĐ-CP quy định *“khi có căn cứ”* cho rằng việc tố cáo có thể gây nguy hại đến tính mạng, sức khỏe; xâm hại đến tài sản, uy tín, danh dự, nhân phẩm; hoặc bị trù dập, phân biệt đối xử tại nơi làm việc... của bản thân người tố cáo và người thân thích của người tố cáo thì tùy từng trường hợp có quyền yêu cầu người giải quyết tố cáo, cơ quan công an, cơ quan, tổ chức có liên quan áp dụng biện pháp bảo vệ. Tuy nhiên, việc hiểu như thế nào là *“có căn cứ”* thì hiện nay chưa hướng dẫn rõ. Điều này cũng làm cho quy định này chưa thật sự đi vào cuộc sống, chưa thật sự tạo nên thiết chế khiến người tố cáo yên tâm, dẫn đến vẫn còn tố cáo nặc danh, mạo danh nhiều.

- Về trình tự, thủ tục yêu cầu được bảo vệ và thực hiện các biện pháp bảo vệ người tố cáo: hiện nay chưa có quy trình công việc, thủ tục, thời gian thực hiện và các biểu mẫu liên quan trong thực hiện việc bảo vệ người tố cáo, trường hợp nào thì áp dụng biện pháp bảo vệ gì cho phù hợp...

e) Các quy định về khen thưởng và xử lý hành vi vi phạm:

- Về vấn đề khen thưởng đối với người tố cáo: Luật Tố cáo cũng đã quy định về khen thưởng người tố cáo nhưng mức khen thưởng đối với cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tố cáo cũng còn chưa tương xứng với công sức, trách nhiệm thu thập thông tin, tài liệu để phát hiện, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật, đặc biệt là rủi ro họ phải đối mặt trước sự trả thù, trù dập của người bị tố cáo thường là người có chức vụ, quyền hạn.

f) Các quy định khác:

Về tố cáo không rõ họ tên, địa chỉ: Luật Tố cáo không quy định cụ thể đối với việc có giải quyết hay không đối với đơn tố cáo không rõ họ tên, địa chỉ người tố cáo nhưng đơn có nội dung rõ ràng về hành vi vi phạm, người vi phạm, kèm theo các thông tin, tài liệu, bằng chứng về hành vi vi phạm. Trên thực tế nhiều vụ việc tố cáo không rõ họ, tên địa chỉ, bút tích của người tố cáo vẫn được một số cơ quan xem xét, giải quyết nhưng một số trường hợp thì không xem xét. Thực tiễn trên gây ra sự thiếu thống nhất trong hoạt động áp dụng pháp luật. Thiết nghĩ, cần công nhận việc phải xem xét giải quyết đối với tố cáo không rõ họ tên, địa chỉ nhưng rõ hành vi vi phạm, rõ người có vi phạm nhằm đảm bảo mọi hành vi vi phạm pháp luật đều bị phát hiện và xử lý, đặc biệt đối với những hành vi tham nhũng, nhằm đáp ứng yêu cầu phòng chống các hành vi vi phạm pháp luật.

#### **IV. KIẾN NGHỊ**

##### **1. Đối với Luật Khiếu nại**

a) Cần có quy định hướng dẫn áp dụng thống nhất giữa Luật Khiếu nại và Luật Tố tụng hành chính về thời hiệu khiếu nại, thời hiệu khởi kiện đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính; về đối tượng bị khiếu nại và đối tượng bị khởi kiện.

b) Sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn cụ thể để khắc phục các điểm còn chưa rõ trong Luật Khiếu nại như:

- Quyền khiếu nại của tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.
- Việc ủy quyền cho người khác khiếu nại, nếu không phải là người thân thích thì phải là luật sư, trợ giúp viên pháp lý.
- Bổ sung các trường hợp đình chỉ giải quyết khiếu nại.
- Bổ sung hình thức xác nhận rút khiếu nại trong biên bản làm việc với người xác minh, người giải quyết hoặc trong biên bản đối thoại, là căn cứ đình chỉ giải quyết khiếu nại.
- Hướng dẫn cụ thể việc sao chụp, sao chép các tài liệu, chứng cứ liên quan đến nội dung khiếu nại để vừa đảm bảo quyền của các bên, vừa đảm bảo thống nhất giữa các cơ quan, tổ chức trong việc cung cấp tài liệu cho người khiếu nại, của luật sư, trợ giúp viên pháp lý.

- Bổ sung người có thẩm quyền xử lý hoặc kiến nghị xử lý khi phát hiện việc giải quyết khiếu nại vi phạm pháp luật theo Điều 20 Nghị định 75.

- Hướng dẫn rõ việc thụ lý, giải quyết trong trường hợp quy định tại Điều 33 của Luật Khiếu nại (*người khiếu nại có quyền khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần 2 nếu đã hết thời hạn giải quyết mà khiếu nại lần đầu không được giải quyết*) là giải quyết khiếu nại lần 2.

c) Hiện nay quy định bắt buộc người giải quyết khiếu nại phải đối thoại, không có quy định về ủy quyền cho cấp phó là có khó khăn trong thực tiễn, cần xem xét cho phù hợp.

d) Có quy định cụ thể các hình thức chế tài về kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức tương ứng với các mức độ vi phạm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong thực hiện quy định pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

e) Nghiên cứu ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khiếu nại, tố cáo làm cơ sở đấu tranh, xử lý những trường hợp vi phạm pháp luật trong lĩnh vực này, nhất là đối với các đối tượng lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để gây rối an ninh trật tự, xúc phạm cán bộ, công chức, ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của các cơ quan nhà nước.

## **2. Đối với Luật Tố cáo**

a) Sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn cụ thể để khắc phục các điểm còn chưa rõ trong Luật Tố cáo như:

- Bổ sung mở rộng quy định về hình thức tố cáo, cụ thể như tố cáo thông qua thông điệp dữ liệu, qua đường dây nóng,... nhằm có cơ sở tiếp nhận, xử lý thông tin đầy đủ, rộng rãi, phục vụ chấn chỉnh, xử lý vi phạm.

- Bổ sung quy định cụ thể về việc phải giải quyết đối với đơn tố cáo nặc danh, mạo danh nhưng có nội dung rõ ràng về hành vi vi phạm, về đối tượng vi phạm và cung cấp kèm theo tài liệu, bằng chứng. Giải quyết trong trường hợp này không thực hiện thủ tục thông báo kết quả giải quyết tố cáo cho người tố cáo biết.

- Bổ sung hướng dẫn cụ thể về thẩm quyền giải quyết tố cáo đối với những cán bộ, công chức đã nghỉ hưu hay chuyển công tác khác.

- Hướng dẫn cụ thể hơn việc xác định thẩm quyền hoặc quy định cơ chế phối hợp trong trường hợp giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quản lý nhà nước trên các lĩnh vực.

b) Xem xét điều chỉnh thời hạn giải quyết tố cáo đối với các vụ việc tố cáo phức tạp, liên quan đến nhiều cấp, ngành để tạo thuận lợi trong việc giải quyết, đảm bảo phù hợp với thực tiễn.

c) Hướng dẫn rõ các vấn đề về bảo vệ thông tin người tố cáo, về xác định cơ quan công an, về căn cứ yêu cầu bảo vệ. Đồng thời cần thiết phải nghiên cứu xây dựng, ban hành Thông tư quy định, hướng dẫn quy trình, thủ tục, mẫu văn bản về tiếp nhận, xử lý, giải quyết yêu cầu bảo vệ người tố cáo để thực hiện thống nhất.

d) Quy định lại thời hạn xem xét, xử lý đơn tố cáo tiếp theo hướng nên xem đây như là một vụ việc tố cáo (ít nhất phải 30 ngày) mới đảm bảo thời gian xem xét, xác định có đủ điều kiện giải quyết lại tố cáo hay không.

### **3. Đối với các vấn đề chung có liên quan đến công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo**

Kính đề nghị Thanh tra Chính phủ báo cáo Chính phủ trình Quốc hội xác định ưu tiên trong làm luật để sớm xem xét thông qua Luật Biểu tình. Việc xây dựng và ban hành Luật Biểu tình vừa giúp công dân có cơ sở để thực hiện quyền hiến định được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013, vừa có căn cứ pháp lý để chính quyền xử lý các hành vi lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để tụ tập, biểu tình trái phép nhằm gây rối, trục lợi.

Trên đây là báo cáo tổng kết, đánh giá 04 năm thi hành Luật Khiếu nại, Tố cáo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, Ủy ban nhân dân tỉnh kính báo cáo Thanh tra Chính phủ theo dõi, chỉ đạo./.

#### **Nơi nhận:**

- Thanh tra Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Vụ Pháp chế, Thanh tra Chính phủ;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP, các phòng N/cứu, TCD, CBTH;
- Lưu: VT, NCdmhai751



**Trần Ngọc Căng**